CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Lilama 5

Ngày 30/09/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-8.3%	-8.3%

DT thuần
Q3/25
3.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.65| -74.8%

LN thuần
Q3/25
-0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38| -1904%

LN sau thuế
Q3/25
-1.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.37| -32.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-46.8%
YoY: +/-▼ 37.9%

ROE (TTM)
Q3/25

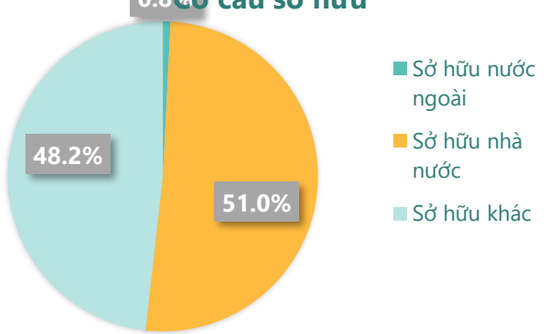
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	700 - 1,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
Số lượng CPLH (CP)	5,149,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.01
EPS	-1,583
P/E	-0.7

DT thuần
9T 2025
21.7
tỷ VNĐ

LN thuần
9T 2025
-0.21
tỷ VNĐ

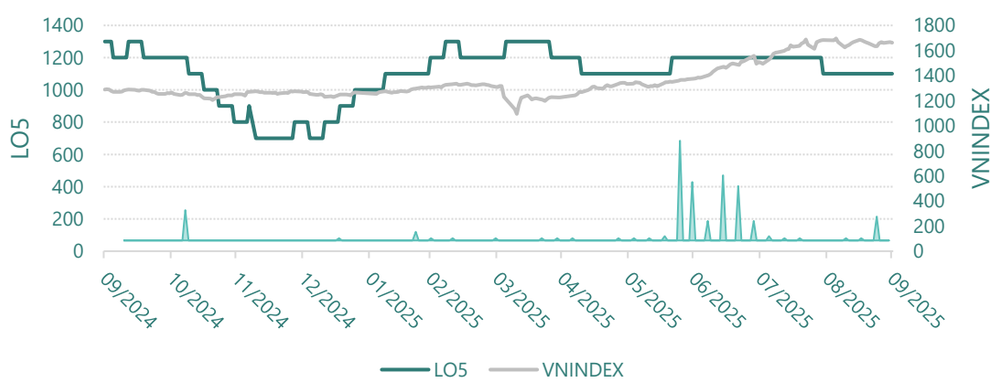
LN sau thuế
9T 2025
-3.73
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

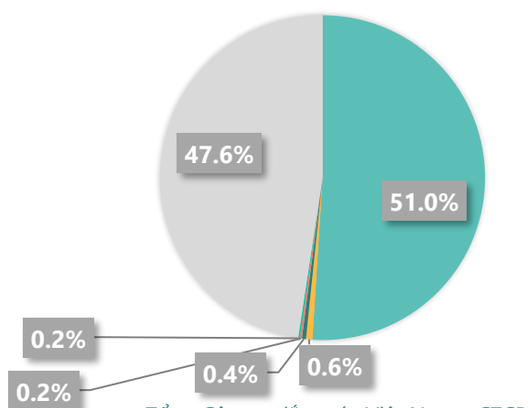


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



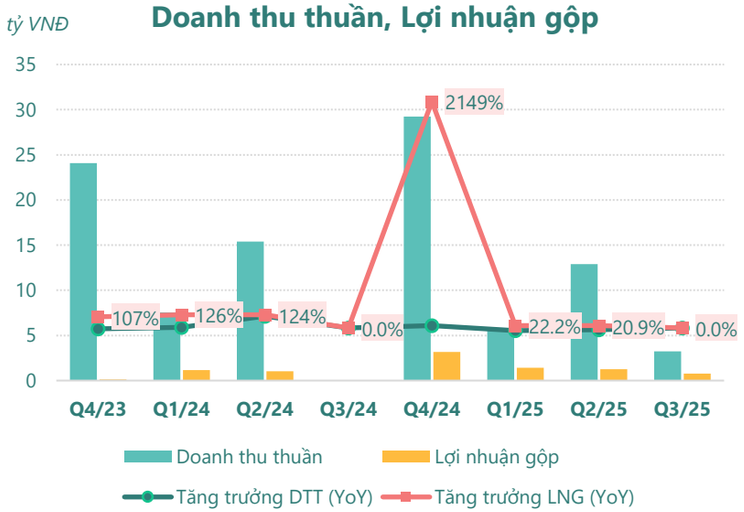
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

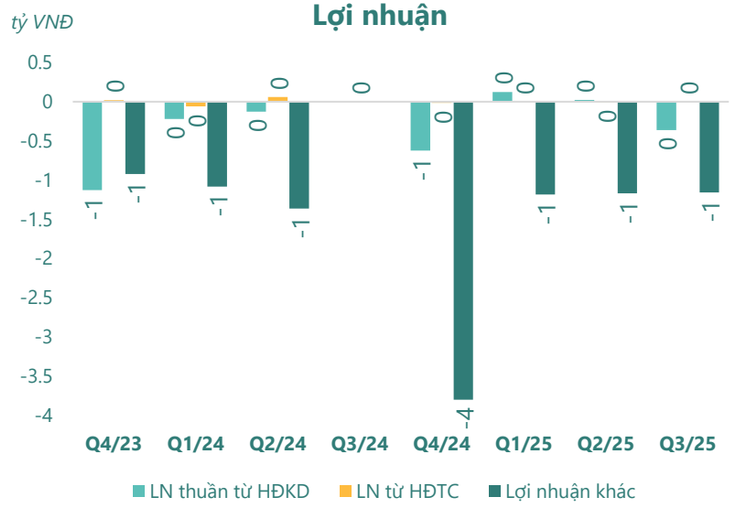
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



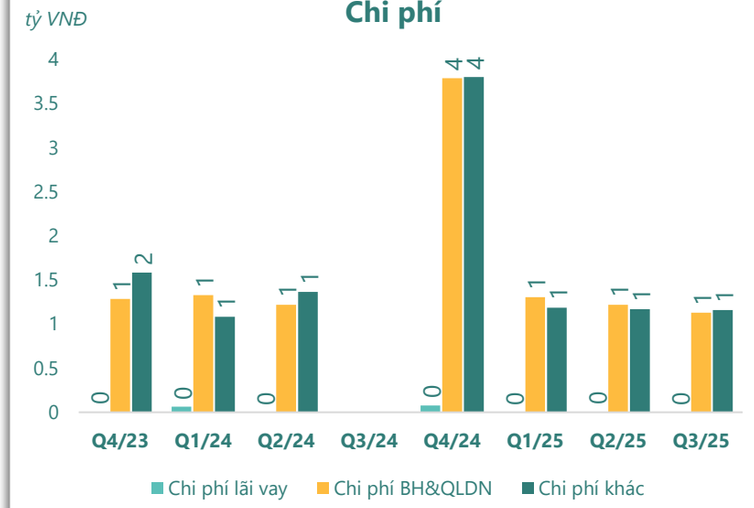
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



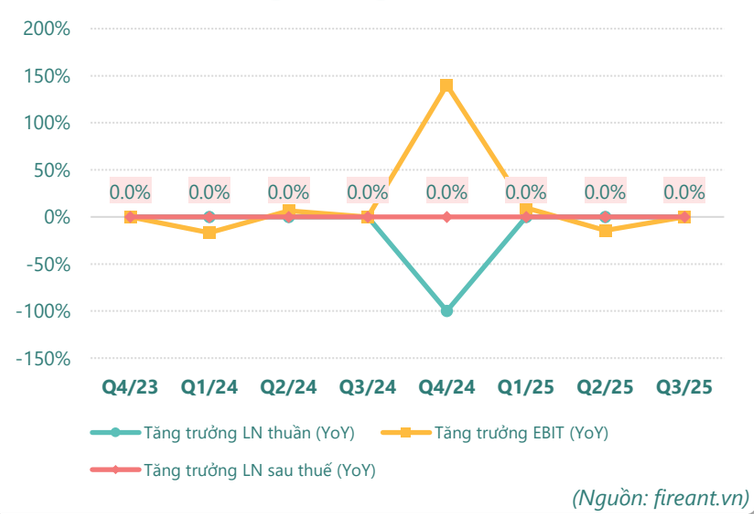
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



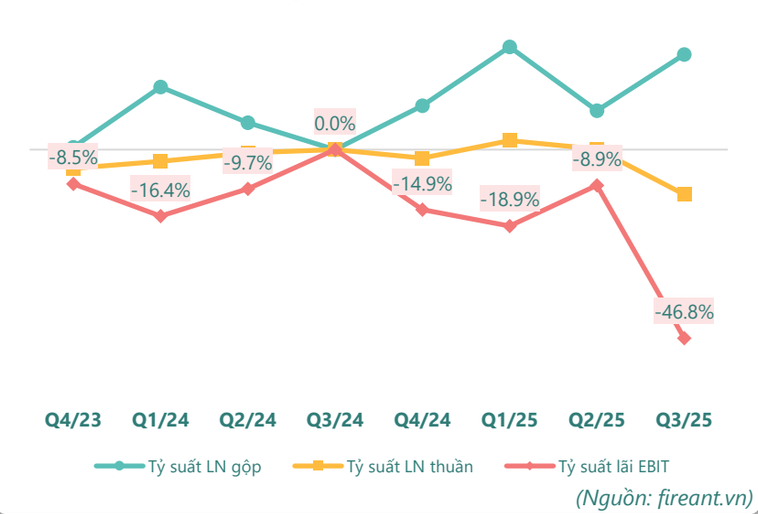
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



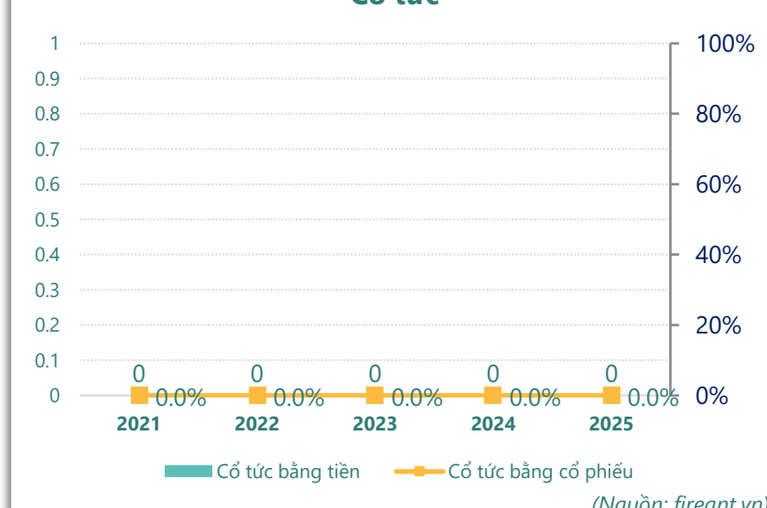
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

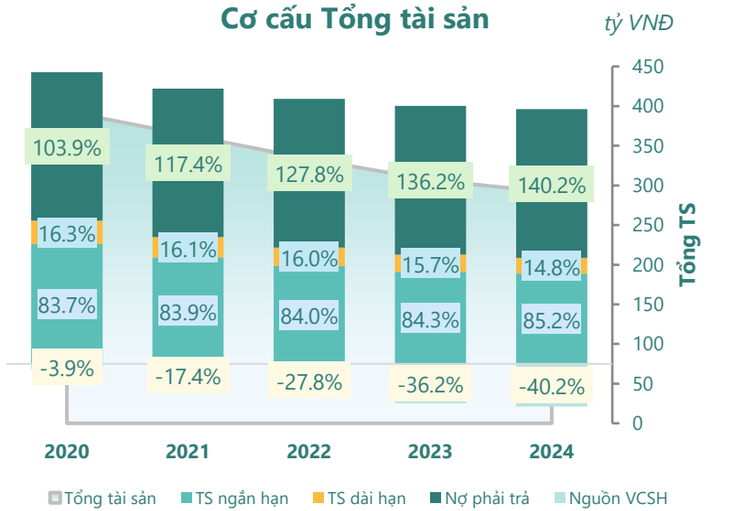
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

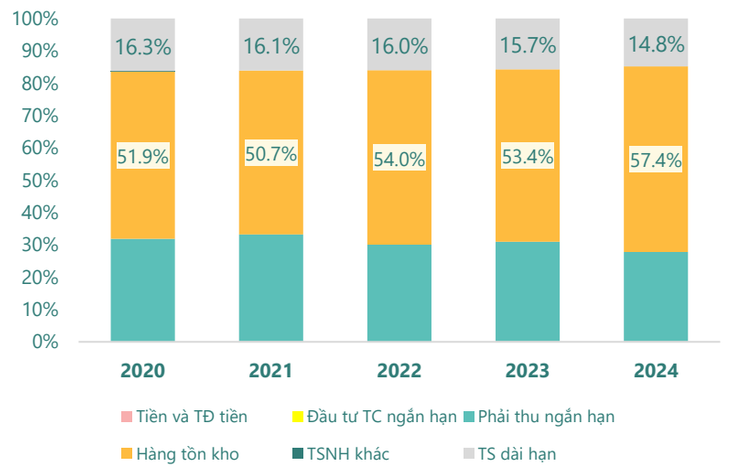
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



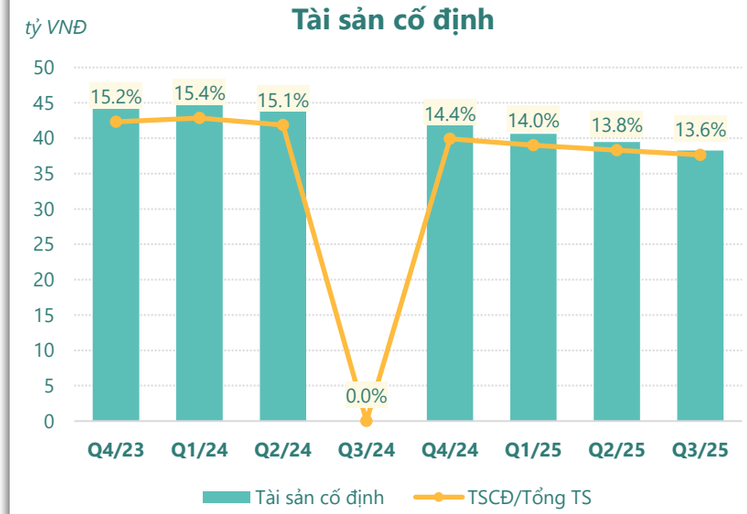
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



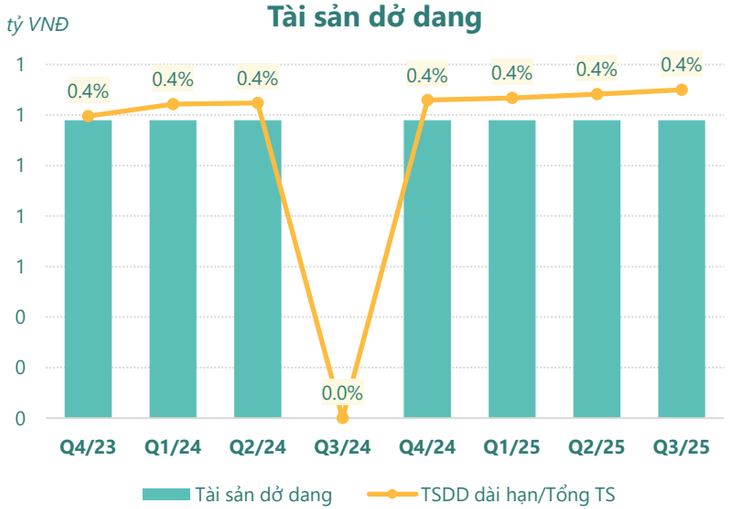
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



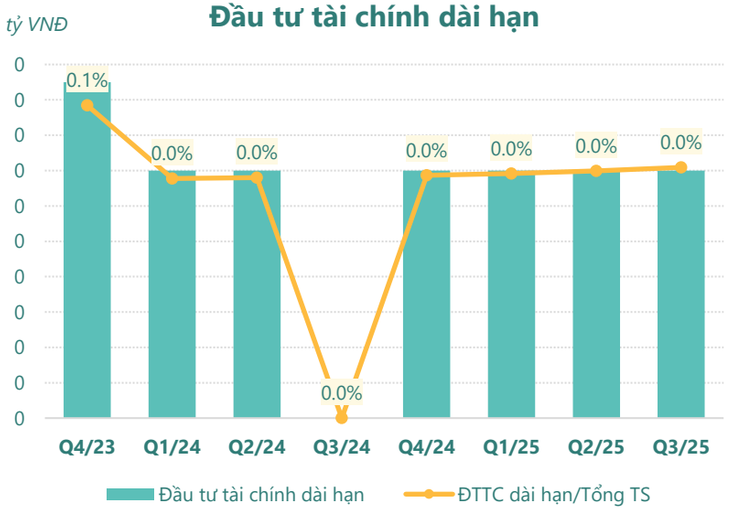
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



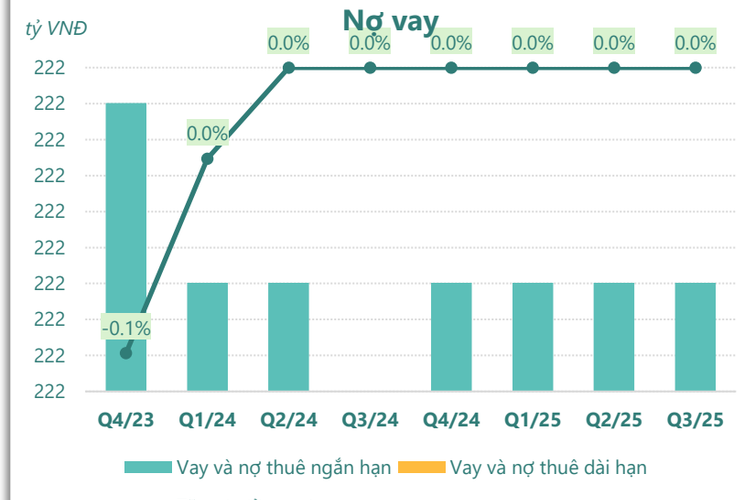
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

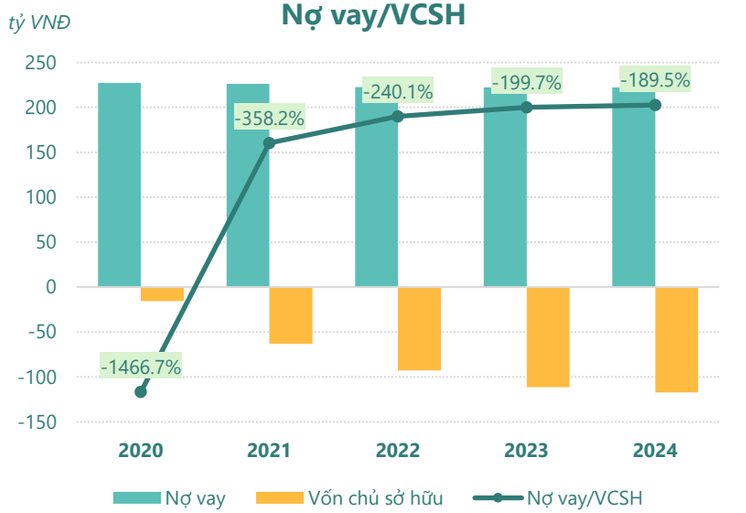
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



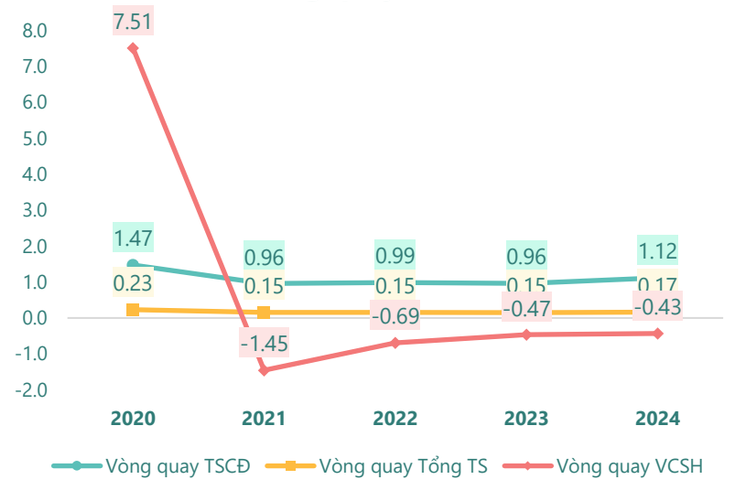
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



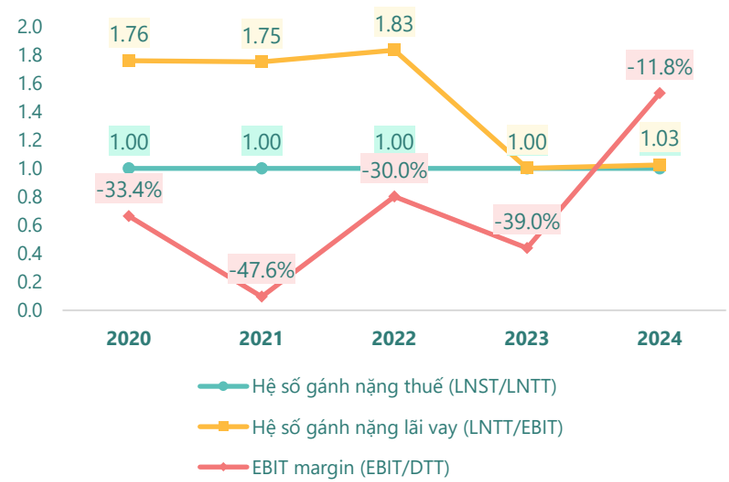
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



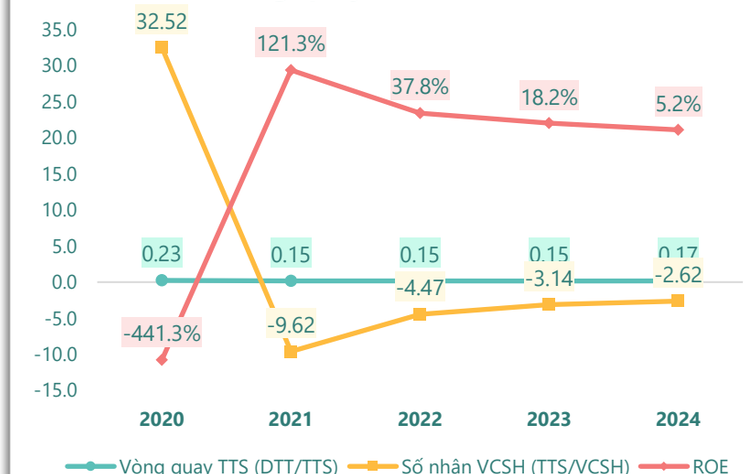
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



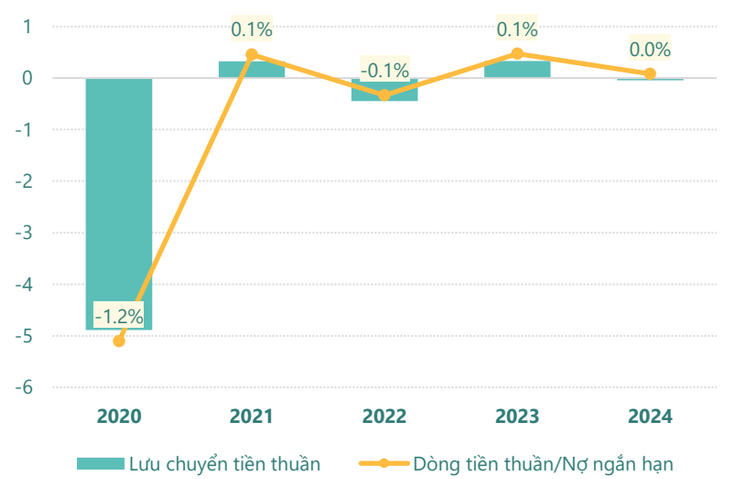
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.25**			**21.7**		
Giá vốn hàng bán	2.48			18.3		
Lợi nhuận gộp	0.77			3.44		
Doanh thu HĐTC	0.00			0.00		
Chi phí TC	0			0.00		
Chi phí lãi vay	0			0.00		
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**		
Chi phí bán hàng	0			0		
Chi phí QLDN	**1.13**			**3.65**		
LN thuần từ HĐKD	-0.36			-0.21		
Lợi nhuận khác	**-1.16**			**-3.51**		
LN trước thuế	-1.52			-3.73		
Lợi nhuận sau thuế	**-1.52**			**-3.73**		
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.52**			**-3.73**		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.69	0	0	0.32	-0.58	1.33
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	0	0	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.63	0	0	0.43	0.75	0.17
Lưu chuyển tiền thuần	**0.75**	**0**	**0**	**0.32**	**-0.58**	**1.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.38	0	0	0.75	0.17	1.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**282**	**291**	**-3.1%**
Tài sản ngắn hạn	243	248	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	1.50	0.43	247%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	76.4	80.6	-5.1%
Hàng tồn kho	164	167	-1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0	
Tài sản dài hạn	**39.6**	**43.2**	**-8.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	38.2	41.9	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.18	1.18	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.14	0.14	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	403	409	-1.3%
Nợ ngắn hạn	**403**	**409**	**-1.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	222	222	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.6	67.4	-1.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-121**	**-117**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-121**	**-117**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	51.5	51.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)